

TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Báo tuần từ ngày 22/01/2025 đến ngày 04/02/2025)

2.277.735 ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU THU	Dự toán 2025	Phát sinh trong tuần	Thực hiện đến ngày 04/02/2025 (số liệu đến ngày 03/02/2025)	Ước phát sinh tuần sau (từ ngày 05/02 đến ngày 11/02)	Ước thực hiện đến ngày 11/02/2025	Tỷ lệ % thực hiện đến ngày 04/02/2025 so với Dự toán	Tỷ lệ % U' TH đến ngày 11/02/2025 so với Dự toán	Tỷ lệ % thực hiện so với cùng kỳ	So sánh với tuần trước	
										Tăng(+)/ giảm(-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=3/1	7=5/1	8	9=2- (PS tuần trước)	10
	TỔNG THU	16.253.808	1.351.603	5.828.915	66.030	5.894.945				1.049.145	346,87
1)	Thu NSNN trên địa bàn	10.590.000	1.349.619	2.300.282	66.030	2.366.312	21,72	22,34	160,78	1.048.771	348,60
a)	Thu nội địa	10.270.000	1.344.811	2.277.735	56.030	2.333.765	22,18	22,72	161,95	1.051.573	358,61
-	Thu từ DN có vốn ĐTNN	2.655.000	431.262	580.801	10.000	590.801	21,88	22,25		400.329	1.294,18
-	Thu từ doanh nghiệp NN	270.000	20.073	33.174	4.000	37.174	12,29	13,77	116,58	10.576	111,36
-	Thu từ Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.370.000	507.565	643.193	10.000	653.193	46,95	47,68	284,11	399.451	369,47
-	Lệ phí trước bạ	295.000	5.361	26.483	5.000	31.483	8,98	10,67	88,74	-3.694	-40,80
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp, phi NN	19.200	72	234	1.000	1.234	1,22	6,43	49,58	-19	-20,88
-	Thuế thu nhập cá nhân	920.000	108.371	148.619	5.000	153.619	16,15	16,70	164,93	80.344	286,67
-	Thu tiền sử dụng đất	950.000	23.801	164.071	5.000	169.071	17,27	17,80	179,90	-69.235	-74,42
-	Thu tiền cấp quyền Khai thác khoáng sản	5.000	6	54	30	84	1	1,68		-42	
-	Thu phi, lệ phí	145.000	14.129	26.292	5.000	31.292	18,13	21,58	92,90	8.516	151,72
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN	1.000	0	0	0	0	0	0,00	-	0	
-	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	45.000	714	170.697	1.000	171.697	379	381,55	5.271,68	410	
-	Thuế bảo vệ môi trường	1.260.000	50.711	50.999	0	50.999	4	4,05	-	50.423	
-	Thu khác ngân sách	284.800	6.690	30.062	10.000	40.062	10,56	14,07	106,96	-1.542	-18,73
-	Thu từ hoạt động XSKT	2.050.000	176.056	403.056	0	403.056	19,66	19,66	105,66	176.056	
b)	Thuế xuất nhập khẩu	320.000	4.808	22.547	10.000	32.547	7,05	10,17	93,00	-2.802	-36,82
2)	Thu bổ sung từ NSTW	5.663.808	0	1.699.142	0	1.699.142	30,00	30,00		0	#DIV/0!
3)	Thu chuyển nguồn, kết dư	0	1.984	1.829.491	0	1.829.491				374	
4)	Thu các khoản vay	0	0	0	0	0				0	
	Điều tiết: - NSTW	1.055.610	33.083	60.998	14.750	75.748	5,78	7,18	87,73		
	- NS TỈNH	7.222.825	1.204.269	5.475.290	24.280	5.499.570	75,81	76,14	235,86		
	- NS HUYỆN, XÃ	2.311.565	114.251	292.627	27.000	319.627	12,66	13,83	103,87		

Ghi chú:
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là 176,056 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 04/02/2025 là 403,056 tỷ đồng đạt 19,66% so với dự toán năm, bằng 105,66% so với cùng kỳ.
- Thu tiền sử dụng đất là 23,801 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 04/02/2025 là 164,071 tỷ đồng, đạt 17,27% so với dự toán năm, bằng 179,90% so với cùng kỳ.
- Các khoản thu nội địa còn lại là 1.144,954 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 04/02/2025 là 1.710,608 tỷ đồng, đạt 23,53% so với dự toán năm, đạt 183,20% so với cùng kỳ.

Lập biểu


Thân Thị Diệu Thắm

Phòng QL Ngân sách - Tài chính HCSN


Nguyễn Hoàng Búp

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Báo tuần từ ngày 22/01/2025 đến ngày 04/02/2025)

DVT: triệu đồng

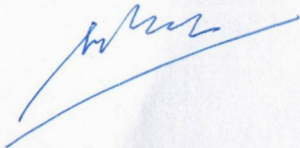
STT	CHỈ TIÊU CHI	Dự toán năm 2025	Phát sinh trong tuần	Thực hiện đến ngày 04/02/2025 (số liệu đến ngày 03/02/2025)	Ước phát sinh tuần sau (từ ngày 05/02 đến ngày 11/02)	Ước thực hiện đến ngày 11/02/2025	Tỷ lệ % thực hiện đến ngày 04/02/2025 so với Dự toán	Tỷ lệ % ƯTH đến ngày 11/02/2025 so với Dự toán	Tỷ lệ % thực hiện so với cùng kỳ	So sánh với tuần trước	
										Tăng(+)/ giảm(-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=3/1	7=5/1	8	9=2- (PS tuần trước)	10
	TỔNG CHI	17.443.707	589.439	1.929.260	174.500	2.103.760	11,06	12,06	130,81	-59.537	-9,17
A	CHI CÂN ĐỐI	17.443.507	589.439	1.866.509	174.500	2.041.009	10,70	11,70	126,55	-59.537	-9,17
I.	Chi đầu tư phát triển	6.517.067	339.607	685.920	50.000	735.920	10,52	11,29	74,49	219.113	181,85
II.	Chi thường xuyên	10.495.273	249.832	1.180.589	124.500	1.305.089	11,25	12,44	213,06	-278.650	-52,73
1	Chi hành chính SN	9.852.904	237.473	1.147.419	118.000	1.265.419	11,65	12,84	214,14	-274.279	-53,60
	Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	1.018.656	12.622	23.689	18.000	41.689	2,33	4,09	75,98	3.841	43,73
	Chi sự nghiệp văn xã	6.816.156	170.349	833.528	50.000	883.528	12,23	12,96	228,10	-220.171	-56,38
	Chi quản lý hành chính	2.018.092	54.502	290.202	50.000	340.202	14,38	16,86	208,46	-57.948	-51,53
2	Chi khác	642.369	12.359	33.170	6.500	39.670	5,16	6,18	181,34	-4.371	-26,13
	Quốc phòng - An ninh	327.296	11.595	30.601	5.000	35.601	9,35	10,88	168,76	-3.541	-23,39
	Khác	315.073	764	2.568	1.500	4.068	0,82	1,29	1.615,35	-831	-52,10
III.	Bổ sung quỹ DTTC	1.000	0	0	0	0	0,00	0,00		0	
IV.	Dự phòng	273.808	0	0	0	0				0	
V.	Tạo nguồn cải cách tiền lương	0	0	0	0	0				0	
VI.	Chi CTMT, BS có mục tiêu	156.359	0	0	0	0				0	
VII.	Chi trả lãi, phí vay	200	0	0	0	0				0	
VIII.	Chi trả nợ vay	0	0	0	0	0				0	
B	TẠM ỨNG XDCB	0	0	56.535	0	56.535				0	
C	TẠM ỨNG HCSN	0	0	6.216	0	6.216				0	
D	TẠM ỨNG KHÁC	0	0	0	0	0				0	
E	T.Ư CHI XDCB NĂM TRƯỚC CH.SANG	0	0	0	0	0				0	

Ghi chú: Nguồn dự phòng năm 2025: Dự toán là 273,808 tỷ đồng; đã sử dụng đến ngày 04/02/2025 là 11,275 đồng. Trong đó:

- Cấp Tỉnh: Dự toán đầu năm là 102,407 tỷ đồng, đã có kế hoạch sử dụng đến ngày 04/02/2025 là 6,100 đồng. Số còn lại là 96,307 tỷ đồng.
- Cấp Huyện: Dự toán đầu năm là 142,188 tỷ đồng, đã sử dụng đến ngày 04/02/2025 là 5,175 đồng. Số còn lại là 137,013 tỷ đồng.
- Cấp Xã: Dự toán đầu năm là 29,212 tỷ đồng, đã sử dụng đến ngày 04/02/2025 là 0 đồng. Số còn lại là 29,212 tỷ đồng.

Lập biểu

Thân Thị Diệu Thắm

Phòng QL Ngân sách - Tài chính HCSN

Nguyễn Hoàng Búp